

Đồng Nai, ngày 22 tháng 4 năm 2021

CÂU HỎI VÀ ĐÁP ÁN
LUẬT CƯ TRÚ NĂM 2020

Câu 1: Theo quy định của Luật Cư trú năm 2020, chỗ ở hợp pháp được hiểu như thế nào?

- A. Là nơi công dân sinh sống trong một khoảng thời gian nhất định.
- B. Là nơi được sử dụng để sinh sống, thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng của công dân.
- C. Là nơi được sử dụng để sinh sống, thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng của công dân, bao gồm nhà ở, tàu, thuyền, phương tiện khác có khả năng di chuyển hoặc chỗ ở khác theo quy định của pháp luật.
- D. Là nơi công dân sinh sống ổn định, lâu dài và đã được đăng ký thường trú.

Câu 2: Theo quy định của Luật Cư trú năm 2020, cư trú được hiểu như thế nào?

- A. Là việc công dân sinh sống tại một địa điểm thuộc đơn vị hành chính cấp xã hoặc đơn vị hành chính cấp huyện ở nơi không có đơn vị hành chính cấp xã.
- B. Là việc công dân sinh sống tại đơn vị hành chính cấp xã.
- C. Là việc công dân ở lại một địa điểm không phải nơi thường trú hoặc nơi tạm trú trong thời gian ít hơn 30 ngày.
- D. Là nơi công dân sinh sống ổn định, lâu dài và đã được đăng ký thường trú.

Câu 3: Theo Luật Cư trú năm 2020 thì nơi ở hiện tại được quy định như thế nào?

- A. Là nơi công dân sinh sống ổn định, lâu dài và đã được đăng ký thường trú.
- B. Là nơi được sử dụng để sinh sống, thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng của công dân, bao gồm nhà ở, tàu, thuyền, phương tiện khác có khả năng di chuyển.
- C. Là nơi công dân sinh sống trong một khoảng thời gian nhất định ngoài nơi thường trú và đã được đăng ký tạm trú.
- D. Là nơi thường trú hoặc nơi tạm trú mà công dân đang thường xuyên sinh sống; trường hợp không có nơi thường trú, nơi tạm trú thì nơi ở hiện tại là nơi công dân đang thực tế sinh sống.

Câu 4: Theo Luật Cư trú năm 2020, đăng ký cư trú được hiểu như thế nào?

- A. Là việc thực hiện thủ tục thông báo lưu trú.
- B. Là việc thực hiện thủ tục đăng ký thường trú.
- C. Là việc đăng ký tạm trú, khai báo tạm vắng.
- D. Là việc thực hiện thủ tục đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, khai báo tạm vắng; thông báo lưu trú và khai báo thông tin, điều chỉnh thông tin về cư trú.

Câu 5: Theo quy định tại Luật Cư trú năm 2020, tạm vắng được hiểu như thế nào?

- A. Là việc công dân vắng mặt tại nơi cư trú trong một khoảng thời gian nhất định.
- B. Là việc công dân vắng mặt tại nơi thường trú trong khoảng thời gian 30 ngày.
- C. Là việc công dân vắng mặt tại nơi tạm trú trong khoảng thời gian từ 01 tháng - 6 tháng.
- D. Là việc công dân vắng mặt tại chỗ ở hiện tại trong một khoảng thời gian nhất định.

Câu 6: Hộ gia đình tham gia bảo hiểm y tế theo quy định của Luật Cư trú năm 2020 được hiểu như thế nào?

- A. Là những người cùng đăng ký thường trú hoặc cùng đăng ký tạm trú tại một chỗ ở hợp pháp theo quy định của pháp luật về cư trú.
- B. Là toàn bộ người có tên trong sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú.
- C. Là những người cùng đăng ký thường trú tại một chỗ ở hợp pháp.
- D. Cả 03 đáp án còn lại.

Câu 7: Theo Luật Cư trú năm 2020, nơi tạm trú được quy định thế nào?

- A. Là nơi công dân sinh sống trong một khoảng thời gian nhất định ngoài nơi thường trú và đã được đăng ký tạm trú.
- B. Là nơi công dân sinh sống trong một khoảng thời gian nhất định.
- C. Là nơi công dân sinh sống ngoài nơi thường trú.
- D. Là nơi mọi người sinh sống trong một khoảng thời gian nhất định và đã được đăng ký tạm trú.

Câu 8: Theo Luật Cư trú năm 2020, nơi thường trú được hiểu như thế nào?

- A. Là nơi công dân sinh sống ổn định, lâu dài và đã được đăng ký thường trú.
- B. Là nơi công dân sinh sống và đã được đăng ký thường trú.
- C. Là nơi công dân sinh sống ổn định.
- D. Là nơi công dân sinh sống lâu dài và đã được đăng ký thường trú.

Câu 9: Theo quy định của Luật Cư trú năm 2020, những hành vi nào sau đây bị nghiêm cấm về cư trú?

- A. Cả 03 đáp án còn lại.
- B. Không tiếp nhận, trì hoãn việc tiếp nhận hồ sơ, giấy tờ, tài liệu, thông tin đăng ký cư trú hoặc có hành vi nhũng nhẽo khác; không thực hiện, thực hiện không đúng thời hạn đăng ký cư trú cho công dân khi hồ sơ đủ điều kiện đăng ký cư trú; xóa đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú trái với quy định của pháp luật.
- C. Thu, quản lý, sử dụng lệ phí đăng ký cư trú trái với quy định của pháp luật.
- D. Tự đặt ra thời hạn, thủ tục, giấy tờ, tài liệu, biểu mẫu trái với quy định của pháp luật hoặc làm sai lệch thông tin, sổ sách, hồ sơ về cư trú.

Câu 10: Theo quy định của Luật Cư trú năm 2020, những hành vi nào sau đây bị nghiêm cấm về cư trú?

- A. Cố ý cấp hoặc từ chối cấp giấy tờ, tài liệu về cư trú trái với quy định của pháp luật.
- B. Cả 03 đáp án còn lại.
- C. Lợi dụng việc thực hiện quyền tự do cư trú để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.
- D. Làm giả giấy tờ, tài liệu, dữ liệu về cư trú; sử dụng giấy tờ, tài liệu, dữ liệu giả về cư trú; cung cấp thông tin, giấy tờ, tài liệu sai sự thật về cư trú; khai man điều kiện, giả mạo hồ sơ, giấy tờ, tài liệu để được đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú; mua, bán, thuê, cho thuê, mượn, cho mượn, cầm cố, nhận cầm cố, hủy hoại giấy tờ, tài liệu về cư trú.

Câu 11: Nơi cư trú của công dân được quy định như thế nào?

- A. Nơi cư trú của công dân bao gồm nơi thường trú, nơi tạm trú. Trường hợp không xác định được nơi thường trú, nơi tạm trú thì nơi cư trú của công dân là nơi ở hiện tại được xác định theo quy định của Luật Cư trú.
- B. Nơi cư trú của công dân là nơi tạm trú.
- C. Nơi cư trú của công dân là nơi công dân đang sinh sống.
- D. Nơi cư trú của công dân là nơi thường trú.

Câu 12: Hành vi nào sau đây bị nghiêm cấm về cư trú?

- A. Thông báo lưu trú khi có người đến lưu trú sau 23 giờ của ngày lưu trú.
- B. Truy nhập, khai thác, hủy hoại, làm cản trở, gián đoạn hoạt động, thay đổi, xóa, phát tán, cung cấp trái phép thông tin trong Cơ sở dữ liệu về cư trú.

- C. Hạn chế quyền tự do cư trú của người bị cách ly do có nguy cơ lây lan dịch bệnh cho cộng đồng.
- D. Cả 03 đáp án còn lại.

Câu 13: *Trường hợp nào sau đây quyền tự do cư trú của công dân bị hạn chế?*

- A. Người bị cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng áp dụng biện pháp cầm đi khỏi nơi cư trú, biện pháp tạm giữ, tạm giam.
- B. Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện không trong thời gian thử thách.
- C. Cả 3 đáp án còn lại đều đúng.
- D. Người đã chấp hành xong biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

Câu 14: *Hành vi nào sau đây bị nghiêm cấm về cư trú?*

- A. Tổ chức, kích động, xúi giục, lôi kéo, dụ dỗ, giúp sức, cưỡng bức người khác vi phạm pháp luật về cư trú.
- B. Giải quyết cho đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú khi biết rõ người đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú không sinh sống tại chỗ ở đó.
- C. Cả 03 đáp án còn lại.
- D. Đồng ý cho người khác đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú vào chỗ ở của mình để vụ lợi hoặc trong thực tế người đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú không sinh sống tại chỗ ở đó.

Câu 15: *Nhà nước có trách nhiệm gì trong việc bảo đảm quyền tự do cư trú của công dân?*

- A. Nhà nước có chính sách và biện pháp đồng bộ để bảo đảm việc thực hiện quyền tự do cư trú của công dân.
- B. Nhà nước bảo đảm ngân sách, đầu tư phát triển công nghệ tiên tiến, hiện đại cho hoạt động đăng ký, quản lý cư trú.
- C. Nhà nước bảo đảm cơ sở vật chất, nguồn nhân lực hoạt động đăng ký, quản lý cư trú.
- D. Cả 03 đáp án còn lại.

Câu 16: *Những nội dung nào sau đây là quyền của công dân về cư trú?*

- A. Cả 03 đáp án còn lại.
- B. Được bảo đảm bí mật thông tin cá nhân, thông tin về hộ gia đình trong Cơ sở dữ liệu về cư trú, trừ trường hợp cung cấp theo quy định của pháp luật.

- C. Được khai thác thông tin về cư trú của mình trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; được cơ quan đăng ký cư trú trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú của mình xác nhận thông tin về cư trú khi có yêu cầu.
- D. Được cơ quan đăng ký cư trú cập nhật, điều chỉnh thông tin về cư trú của mình trong Cơ sở dữ liệu về cư trú khi có thay đổi hoặc khi có yêu cầu.

Câu 17: *Theo quy định của Luật Cư trú năm 2020, những hành vi nào sau đây bị nghiêm cấm về cư trú?*

- A. Cản trở công dân thực hiện quyền tự do cư trú.
- B. Lạm dụng việc sử dụng thông tin về nơi thường trú, nơi tạm trú làm điều kiện để hạn chế quyền, lợi ích hợp pháp của công dân.
- C. Đưa, môi giới, nhận hối lộ trong việc đăng ký, quản lý cư trú.
- D. Cả 03 đáp án còn lại.

Câu 18: *Những nội dung nào sau đây là quyền của công dân về cư trú?*

- A. Được cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến việc thực hiện quyền tự do cư trú của mình khi có yêu cầu.
- B. Lựa chọn, quyết định nơi cư trú của mình, đăng ký cư trú phù hợp với quy định của luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.
- C. Cả 3 đáp án còn lại đều đúng.
- D. Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện đối với hành vi vi phạm pháp luật về cư trú theo quy định của pháp luật.

Câu 19: *Công dân có những nghĩa vụ gì về nơi cư trú?*

- A. Thực hiện việc đăng ký cư trú theo quy định của Luật Cư trú và quy định khác của pháp luật có liên quan.
- B. Cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, giấy tờ, tài liệu về cư trú của mình cho cơ quan, người có thẩm quyền và chịu trách nhiệm về thông tin, giấy tờ, tài liệu đã cung cấp.
- C. Cả 03 đáp án còn lại.
- D. Nộp lệ phí đăng ký cư trú theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

Câu 20: *Quyền tự do cư trú của công dân bị hạn chế trong những trường hợp nào sau đây?*

- A. Người đang chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng.
- B. Người phải chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng nhưng đang được hoãn chấp hành hoặc tạm đình chỉ chấp hành.
- C. Người bị quản lý trong thời gian làm thủ tục xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng.
- D. Cả 03 đáp án còn lại.

Câu 21: *Khẳng định nào sau đây là đúng khi nói về quyền, nghĩa vụ của chủ hộ và thành viên hộ gia đình về cư trú?*

- A. Những người cùng ở tại một chỗ ở hợp pháp và có quan hệ gia đình là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, cha, mẹ, vợ, chồng, con và anh ruột, chị ruột, em ruột, cháu ruột thì có thể đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú theo hộ gia đình.
- B. Cả 03 đáp án còn lại.
- C. Nhiều hộ gia đình có thể đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú tại cùng một chỗ ở hợp pháp.
- D. Thành viên hộ gia đình có quyền và nghĩa vụ thống nhất đề cử chủ hộ; thực hiện đầy đủ quy định về đăng ký, quản lý cư trú.

Câu 22: *Nội dung nào sau đây là đúng khi nói về nơi cư trú của người chưa thành niên?*

- A. Nơi cư trú của người chưa thành niên là nơi cư trú của cha, mẹ.
- B. Nếu cha, mẹ có nơi cư trú khác nhau thì nơi cư trú của người chưa thành niên là nơi cư trú của cha hoặc mẹ mà người chưa thành niên thường xuyên chung sống.
- C. Người chưa thành niên có thể có nơi cư trú khác với nơi cư trú của cha, mẹ nếu được cha, mẹ đồng ý hoặc pháp luật có quy định.
- D. Cả 3 đáp án còn lại đều đúng.

Câu 23: *Nơi cư trú của người được giám hộ được quy định như thế nào?*

- A. Nơi cư trú của người được giám hộ là nơi cư trú của người giám hộ.
- B. Người được giám hộ có thể có nơi cư trú khác với nơi cư trú của người giám hộ nếu được người giám hộ đồng ý.

- C. Nơi cư trú của người được giám hộ là nơi cư trú của người giám hộ. Người được giám hộ có thể có nơi cư trú khác với nơi cư trú của người giám hộ nếu được người giám hộ đồng ý hoặc pháp luật có quy định.
- D. Cả 03 đáp án còn lại đều sai.

Câu 24: *Nơi cư trú của vợ, chồng được quy định như thế nào?*

- A. Nơi cư trú của vợ, chồng là nơi vợ, chồng thường xuyên chung sống. Vợ, chồng có thể có nơi cư trú khác nhau theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật có liên quan.
- B. Cả 03 đáp án còn lại đều sai.
- C. Vợ chồng không được có nơi cư trú khác nhau.
- D. Nơi cư trú của vợ chồng là nơi thường trú của vợ, chồng tại thời điểm đăng ký kết hôn.

Câu 25: *Hồ sơ đăng ký thường trú đối với công dân có chỗ ở hợp pháp thuộc quyền sở hữu của mình bao gồm những gì?*

- A. Cả 03 đáp án còn lại đều sai.
- B. Tờ khai thay đổi thông tin cư trú.
- C. Giấy tờ, tài liệu chứng minh việc sở hữu chỗ ở hợp pháp.
- D. Tờ khai thay đổi thông tin cư trú và giấy tờ, tài liệu chứng minh việc sở hữu chỗ ở hợp pháp.

Câu 26: *Hồ sơ đăng ký thường trú đối với công dân được đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp không thuộc quyền sở hữu của mình bao gồm những giấy tờ nào?*

- A. Tờ khai thay đổi thông tin cư trú, trong đó ghi rõ ý kiến đồng ý cho đăng ký thường trú của chủ hộ, chủ sở hữu chỗ ở hợp pháp hoặc người được ủy quyền, trừ trường hợp đã có ý kiến đồng ý bằng văn bản.
- B. Giấy tờ, tài liệu chứng minh quan hệ nhân thân với chủ hộ, thành viên hộ gia đình, trừ trường hợp đã có thông tin thể hiện quan hệ này trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú.
- C. Cả 03 đáp án còn lại.
- D. Giấy tờ, tài liệu chứng minh các điều kiện khác theo quy định của Luật Cư trú.

Câu 27: *Công dân được đăng ký thường trú tại cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo có công trình phụ trợ là nhà ở khi thuộc những trường hợp nào sau đây?*

- A. Người hoạt động tôn giáo được phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử, chuyển chuyên đến hoạt động tôn giáo tại cơ sở tôn giáo.
- B. Người đại diện cơ sở tín ngưỡng.
- C. Người được người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng đồng ý cho đăng ký thường trú để trực tiếp quản lý, tổ chức hoạt động tín ngưỡng tại cơ sở tín ngưỡng.
- D. Cả 03 đáp án còn lại.

Câu 28: *Nơi cư trú của người được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp tại cơ sở trợ giúp xã hội được quy định như thế nào?*

- A. Nơi cư trú của người được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp tại cơ sở trợ giúp xã hội là nơi cư trú của người đứng đầu cơ sở trợ giúp xã hội.
- B. Nơi cư trú của người được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp tại cơ sở trợ giúp xã hội là nơi cư trú của người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội.
- C. Nơi cư trú của người được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp tại cơ sở trợ giúp xã hội là cơ sở trợ giúp xã hội.
- D. Cả 3 đáp án còn lại đều đúng.

Câu 29: *Yêu cầu về nơi cư trú đối với người không có nơi thường trú, nơi tạm trú được quy định như thế nào?*

- A. Người không có nơi thường trú, nơi tạm trú phải khai báo thông tin về cư trú với cơ quan đăng ký cư trú tại nơi ở hiện tại.
- B. Trường hợp có thay đổi thông tin về cư trú thì công dân phải khai báo lại với cơ quan đăng ký cư trú để rà soát, điều chỉnh thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú.
- C. Đơn vị hành chính cấp xã nơi người không có nơi thường trú, nơi tạm trú đang thực tế sinh sống được xác định là nơi ở hiện tại của người không có nơi thường trú, nơi tạm trú.
- D. Cả 3 đáp án còn lại đều đúng.

Câu 30: *Người đã đăng ký thường trú mà chuyển đến chỗ ở hợp pháp khác và đủ điều kiện đăng ký thường trú thì có trách nhiệm đăng ký thường trú tại nơi ở mới theo quy định trong thời hạn bao lâu?*

- A. 12 tháng kể từ ngày đủ điều kiện đăng ký.
- B. 06 tháng kể từ ngày đủ điều kiện đăng ký.
- C. 24 tháng kể từ ngày đủ điều kiện đăng ký.
- D. 36 tháng kể từ ngày đủ điều kiện đăng ký.

Câu 31: *Người được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp được đăng ký thường trú tại cơ sở trợ giúp xã hội khi được sự đồng ý của ai?*

- A. Người đứng đầu cơ sở trợ giúp xã hội.
- B. Chủ tịch UBND cấp xã nơi cơ sở trợ giúp xã hội đặt trụ sở.
- C. Người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp tại cơ sở trợ giúp xã hội.
- D. Cả 03 đáp án còn lại đều sai.

Câu 32: *Theo Luật Cư trú năm 2020, việc thông báo lưu trú được thực hiện vào thời gian nào?*

- A. Được thực hiện trước 21 giờ của ngày bắt đầu lưu trú.
- B. Được thực hiện trước 22 giờ của ngày bắt đầu lưu trú.
- C. Được thực hiện trước 23 giờ của ngày bắt đầu lưu trú.
- D. Được thực hiện trước 00 giờ của ngày hôm sau.

Câu 33: *Theo Luật Cư trú năm 2020, trường hợp người lưu trú đến sau 23 giờ thì việc thông báo lưu trú được thực hiện vào thời gian nào?*

- A. Được thực hiện trước 06 giờ của ngày hôm sau.
- B. Được thực hiện trước 07 giờ của ngày hôm sau.
- C. Được thực hiện trước 08 giờ của ngày hôm sau.
- D. Được thực hiện trước 09 giờ của ngày hôm sau.

Câu 34: *Theo Luật Cư trú năm 2020, chỉ cần thông báo lưu trú một lần trong trường hợp nào sau đây?*

- A. Trường hợp bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột đến lưu trú nhiều lần.
- B. Trường hợp ông, bà đến lưu trú nhiều lần.
- C. Trường hợp bạn bè đến lưu trú nhiều lần.
- D. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.

Câu 35: *Có những hình thức thông báo lưu trú nào?*

- A. Trực tiếp.
- B. Qua điện thoại, hộp thư điện tử.
- C. Trang Thông tin điện tử, cổng dịch vụ công, ứng dụng trên thiết bị điện tử.
- D. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.

Câu 36: Theo Luật Cư trú năm 2020, việc thông báo lưu trú bao gồm những nội dung nào sau đây?

- A. Họ và tên, số định danh cá nhân hoặc số Chứng minh nhân dân, số hộ chiếu của người lưu trú; lý do lưu trú; thời gian lưu trú; địa chỉ lưu trú.
- B. Lịch trình di chuyển trước khi đến nơi lưu trú.
- C. Lý lịch đầy đủ của người lưu trú.
- D. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.

Câu 37: Người thuộc một trong các trường hợp nào sau đây thì bị xóa đăng ký thường trú?

- A. Chết; có quyết định của Tòa án tuyên bố mất tích hoặc đã chết.
- B. Cả 03 đáp án còn lại.
- C. Ra nước ngoài để định cư.
- D. Đã được cơ quan có thẩm quyền cho thôi quốc tịch Việt Nam, tước quốc tịch Việt Nam, hủy bỏ quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam.

Câu 38: Thành viên hộ gia đình được tách hộ để đăng ký thường trú tại cùng một chỗ ở hợp pháp khi đáp ứng các điều kiện nào sau đây?

- A. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; trường hợp có nhiều thành viên cùng đăng ký tách hộ để lập thành một hộ gia đình mới thì trong số các thành viên đó có ít nhất một người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.
- B. Được chủ hộ, chủ sở hữu chỗ ở hợp pháp đồng ý, trừ trường hợp thành viên hộ gia đình đăng ký tách hộ là vợ, chồng đã ly hôn mà vẫn được cùng sử dụng chỗ ở hợp pháp đó.
- C. Cả 03 đáp án còn lại.
- D. Nơi thường trú của hộ gia đình không thuộc trường hợp không được đăng ký thường trú mới theo quy định.

Câu 39: Công dân đến sinh sống tại chỗ ở hợp pháp ngoài phạm vi đơn vị hành chính cấp xã nơi đã đăng ký thường trú để lao động, học tập hoặc vì mục đích khác từ bao nhiêu ngày trở lên thì phải thực hiện đăng ký tạm trú?

- A. 30 ngày.
- B. 15 ngày.
- C. 20 ngày.
- D. 45 ngày.

Câu 40: Công dân phải làm thủ tục gia hạn tạm trú trong thời hạn bao nhiêu ngày trước ngày kết thúc thời hạn tạm trú đã đăng ký?

- A. 20 ngày.
- B. 15 ngày.
- C. 30 ngày.
- D. 25 ngày.

Câu 41: Theo quy định của Luật Cư trú năm 2020, nhận định nào sau đây đúng?

- A. Công dân có chỗ ở hợp pháp thuộc quyền sở hữu của mình thì được đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp đó.
- B. Công dân có chỗ ở hợp pháp thuộc quyền sở hữu của mình thì được đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp đó khi đã tạm trú trong thời gian ít nhất là 02 năm.
- C. Công dân có chỗ ở hợp pháp thuộc quyền sở hữu của mình thì được đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp đó khi đã tạm trú trong thời gian ít nhất là 01 năm.
- D. Công dân có chỗ ở hợp pháp thuộc quyền sở hữu của mình thì được đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp đó khi đã tạm trú trong thời gian ít nhất là 06 tháng.

Câu 42: Theo Luật Cư trú năm 2020, công dân được đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp không thuộc quyền sở hữu của mình khi được chủ hộ và chủ sở hữu chỗ ở hợp pháp đó đồng ý trong những trường hợp nào sau đây?

- A. Vợ về ở với chồng; chồng về ở với vợ.
- B. Người cao tuổi về ở với anh ruột, chị ruột, em ruột, cháu ruột.
- C. Người chưa thành niên về ở với người giám hộ.
- D. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.

Câu 43: Những địa điểm nào sau đây không được đăng ký thường trú mới?

- A. Chỗ ở nằm trong địa điểm cấm, khu vực cấm xây dựng.
- B. Chỗ ở lán, chiếm hành lang bảo vệ quốc phòng, an ninh, giao thông, thủy lợi, đê điều, năng lượng, mốc giới bảo vệ công trình hạ tầng kỹ thuật, di tích lịch sử - văn hóa đã được xếp hạng.
- C. Cả 03 đáp án còn lại.
- D. Khu vực đã được cảnh báo về nguy cơ lở đất, lũ quét, lũ ống và khu vực bảo vệ công trình khác theo quy định của pháp luật.

Câu 44: Những địa điểm nào sau đây không được đăng ký thường trú mới?

- A. Chỗ ở mà toàn bộ diện tích nhà ở nằm trên đất lấn, chiếm trái phép hoặc chỗ ở xây dựng trên diện tích đất không đủ điều kiện xây dựng theo quy định của pháp luật.
- B. Chỗ ở đã có quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- C. Chỗ ở là nhà ở mà một phần hoặc toàn bộ diện tích nhà ở đang có tranh chấp, khiếu nại liên quan đến quyền sở hữu, quyền sử dụng nhưng chưa được giải quyết theo quy định của pháp luật.
- D. Cả 03 đáp án còn lại.

Câu 45: *Những địa điểm nào sau đây không được đăng ký thường trú mới?*

- A. Chỗ ở bị tịch thu theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- B. Cả 03 đáp án còn lại.
- C. Phương tiện được dùng làm nơi đăng ký thường trú đã bị xóa đăng ký phương tiện hoặc không có giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.
- D. Chỗ ở là nhà ở đã có quyết định phá dỡ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Câu 46: *Theo Luật Cư trú năm 2020, công dân được đăng ký thường trú tại cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo có công trình phụ trợ là nhà ở khi thuộc một trong các trường hợp nào sau đây?*

- A. Người hoạt động tôn giáo được chuyển chuyên đến hoạt động tôn giáo tại cơ sở tôn giáo.
- B. Người tài trợ kinh phí xây dựng cơ sở tôn giáo.
- C. Người có công đức đặc biệt lớn với cơ sở tôn giáo.
- D. Cả 03 đáp án còn lại.

Câu 47: *Công dân được đăng ký thường trú tại cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo có công trình phụ trợ là nhà ở khi thuộc một trong các trường hợp nào sau đây?*

- A. Người thường xuyên thực hiện các hoạt động từ thiện tại cơ sở tôn giáo.
- B. Trẻ em, người khuyết tật đặc biệt nặng, người khuyết tật nặng, người không nơi nương tựa được người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng, người đứng đầu hoặc người đại diện cơ sở tôn giáo đồng ý cho đăng ký thường trú.
- C. Người trong gia đình của người đại diện cơ sở tín ngưỡng.
- D. Cả 03 đáp án còn lại.

Câu 48: Việc đăng ký thường trú của người chưa thành niên phải được sự đồng ý của ai?

- A. Cha, mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên.
- B. Anh, chị, em ruột của người chưa thành niên.
- C. Ông, bà của người chưa thành niên.
- D. Cả 03 đáp án còn lại đều sai.

Câu 49: Thời hạn tạm trú tối đa là bao lâu?

- A. 02 năm.
- B. 03 năm.
- C. 04 năm.
- D. 01 năm.

Câu 50: Theo Luật Cư trú năm 2020, một trong những điều kiện để công dân sinh sống, người làm nghề lưu động trên phương tiện được đăng ký thường trú tại phương tiện đó khi đáp ứng các điều kiện là gì?

- A. Được chủ phương tiện đó đồng ý cho đăng ký thường trú.
- B. Phương tiện đã được đưa vào sử dụng không quá 10 năm.
- C. Phương tiện có diện tích không gian tối thiểu là 03m².
- D. Cả 03 đáp án còn lại đều sai.

Câu 51: Việc điều chỉnh thông tin về cư trú của công dân được thực hiện trong những trường hợp nào sau đây?

- A. Thay đổi chủ hộ.
- B. Thay đổi thông tin về hộ tịch so với thông tin đã được lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu về cư trú.
- C. Cả 03 đáp án còn lại.
- D. Thay đổi địa chỉ nơi cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú do có sự điều chỉnh về địa giới đơn vị hành chính, tên đơn vị hành chính, tên đường, phố, tổ dân phố, thôn, xóm, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, cách đánh số nhà.

Câu 52: Hồ sơ điều chỉnh thông tin về cư trú của công dân bao gồm những giấy tờ nào?

- A. Tờ khai thay đổi thông tin cư trú. Giấy tờ, tài liệu chứng minh việc điều chỉnh thông tin.

- B. Tờ khai thay đổi thông tin cư trú và văn bản đồng ý của chủ hộ.
- C. Tờ khai thay đổi thông tin cư trú và văn bản đồng ý của tất cả các thành viên trong hộ.
- D. Cả 03 đáp án còn lại đều sai.

Câu 53: Theo Luật Cư trú năm 2020, việc xóa đăng ký thường trú được thực hiện trong trường hợp nào sau đây?

- A. Ra nước ngoài để du lịch.
- B. Ra nước ngoài trong thời hạn trên 06 tháng.
- C. Vắng mặt liên tục tại nơi thường trú từ 12 tháng trở lên mà không đăng ký tạm trú tại chỗ ở khác hoặc không khai báo tạm vắng.
- D. Cả 03 đáp án còn lại.

Câu 54: Nội dung nào sau đây là nguyên tắc cư trú và quản lý cư trú?

- A. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật
- B. Bảo đảm hài hòa quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, lợi ích của Nhà nước, cộng đồng và xã hội; kết hợp giữa việc bảo đảm quyền tự do cư trú, các quyền cơ bản khác của công dân và trách nhiệm của Nhà nước với nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.
- C. Cả 03 đáp án còn lại.
- D. Trình tự, thủ tục đăng ký cư trú phải đơn giản, thuận tiện, kịp thời, chính xác, công khai, minh bạch, không gây phiền hà; việc quản lý cư trú phải bảo đảm chặt chẽ, hiệu quả.

Câu 55: Nội dung nào sau đây là nguyên tắc cư trú và quản lý cư trú?

- A. Thông tin về cư trú phải được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú theo quy định của pháp luật.
- B. Tại một thời điểm, mỗi công dân chỉ có một nơi thường trú và có thể có thêm một nơi tạm trú.
- C. Mọi hành vi vi phạm pháp luật về đăng ký, quản lý cư trú phải được phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.
- D. Cả 03 đáp án còn lại.

Câu 56: Nội dung khai báo tạm vắng bao gồm?

- A. Họ và tên, số định danh cá nhân hoặc số Chứng minh nhân dân, số hộ chiếu của người khai báo tạm vắng; lý do tạm vắng; thời gian tạm vắng; địa chỉ nơi đến.
- B. Họ và tên, số định danh cá nhân hoặc số Chứng minh nhân dân, số hộ chiếu của người khai báo tạm vắng;
- C. Họ và tên, lý do tạm vắng; thời gian tạm vắng; địa chỉ nơi đến.
- D. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.

Câu 57: Kể từ ngày 01/7/2021, Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú sẽ được sử dụng thế nào?

- A. Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú đã được cấp vẫn được sử dụng và có giá trị như giấy tờ, tài liệu xác nhận về cư trú theo quy định của Luật Cư trú cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022.
- B. Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú đã được cấp không còn giá trị sử dụng.
- C. Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú đã được cấp vẫn được sử dụng và có giá trị như giấy tờ, tài liệu xác nhận về cư trú cho đến khi bị mất, hư hỏng toàn bộ.
- D. Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú đã được cấp vẫn được sử dụng và có giá trị như giấy tờ, tài liệu xác nhận về cư trú theo quy định của Luật Cư trú cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Câu 58: Theo Luật Cư trú năm 2020, trường hợp thông tin trong Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú khác với thông tin trong Cơ sở dữ liệu về cư trú thì sử dụng thông tin nào?

- A. Sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu về cư trú.
- B. Sử dụng thông tin trong Sổ hộ khẩu.
- C. Sử dụng thông tin trong Sổ tạm trú.
- D. Cả 03 đáp án còn lại.

Câu 59: Khi thực hiện nhiệm vụ, người làm công tác đăng ký cư trú phải thực hiện như thế nào?

- A. Phải có thái độ, lời nói, cử chỉ nghiêm túc, khiêm tốn, hòa nhã.
- B. Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, giấy tờ, tài liệu có liên quan và giải quyết đúng thời hạn theo quy định của Luật Cư trú
- C. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn cụ thể, đầy đủ bằng văn bản và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc hướng dẫn đó.
- D. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.

Câu 60: Khi công dân thực hiện các thủ tục đăng ký cư trú dẫn đến thay đổi thông tin trong Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú thì cơ quan đăng ký cư trú có trách nhiệm xử lý như thế nào?

- A. Thu hồi Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú đã cấp, thực hiện điều chỉnh, cập nhật thông tin trong Cơ sở dữ liệu về cư trú theo quy định của Luật Cư trú và không cấp mới, cấp lại Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú.
 - B. Thực hiện điều chỉnh, cập nhật thông tin trong Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú.
 - C. Thực hiện điều chỉnh, cập nhật thông tin trong Cơ sở dữ liệu về cư trú và trả lại Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú cho công dân.
 - D. Cả 03 đáp án còn lại đều sai.
-